

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 43/2017/HNGĐ-ST
Ngày 28-9-2017
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C-TỈNH PHÚ THỌ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Trò

2. Ông Nguyễn Hải Minh

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Thảo - Là Thư ký Toà án nhân dân huyện C – Tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên toà: Ông Hoàng Liên Sơn- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C-tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 130/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2017/QĐXX-ST ngày 07 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T- sinh năm: 1989; cư trú tại: Khu 10, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Mai Văn B - sinh năm: 1982; cư trú tại: Khu 10, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 20/3/2017 và lời khai tiếp theo tại Toà án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh B kết hôn ngày 22/4/2011, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng ở riêng tại xã T và làm ruộng. Quá trình chung

tình cảm sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được khoảng 03 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B thường xuyên đánh, chửi chị. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần, nhưng anh B không thay đổi. Do mâu thuẫn trầm trọng, nên từ giữa năm 2013 cho đến nay, vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Xác định tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Mai Văn B.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/8/2017, bị đơn là anh Mai Văn B trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống cũng như lời trình bày của chị Nguyễn Thị T. Theo anh B, vợ chồng không có mâu thuẫn. Từ năm 2014, chị T tự ý bỏ đi, đi đâu làm gì không nói cho anh và gia đình biết, cũng không về thăm anh và con của anh chị, hai vợ chồng từ đó chấm dứt mọi quan hệ, không có liên lạc gì, nay chị T xin ly hôn anh không đồng ý, vì anh vẫn còn tình cảm với chị T và mong muốn vợ chồng cùng nhau nuôi con chứ không muốn ly hôn.

Về con chung: Hai bên trình bày vợ chồng có một con chung là Mai Văn Y- sinh ngày 05/4/2012. Hiện nay đang ở cùng anh B. Nếu ly hôn, chị T và anh B thống nhất để anh B trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chị T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Hai bên đều trình bày vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu đã trình bày;

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa là chấp hành pháp luật chưa nghiêm túc, làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 và Điểm a Khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; .

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Mai Văn B.
- Về con chung: Giao con chung là Mai Văn Y cho anh Mai Văn B trực tiếp nuôi dưỡng, chị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng anh B là 500.000đ/tháng.
- Về án phí: Chị T tự nguyện đề nghị xin chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000đ án phí dân sự về việc cấp dưỡng nuôi con. Đề nghị của chị T không trái pháp luật và đạo đức xã hội, cần chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Mai Văn B bảo đảm các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên đó là hôn nhân hợp pháp. Kết quả thu thập chứng cứ cho thấy nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh B thường xuyên đánh chửi, đuổi chị T. Mặc dù được gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhng không đạt kết quả. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị T yêu cầu xin ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của người phụ nữ đồng thời tránh sự ràng buộc không có lợi cho cả hai bên. Anh B xin đoàn tụ nhưng thực tế trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh B không có biện pháp nào khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nên yêu cầu của anh B là không có căn cứ chấp nhận.

2. Về con chung: Thỏa thuận của các đương sự về con chung như nêu trên là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, cần chấp nhận.

3. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều

228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 và Điểm a Khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự;

Xử:

1- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Mai Văn B.

2- Về con chung: Giao con chung là Mai Văn Y- sinh ngày 05/4/2012 cho anh Mai Văn B trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng)/ tháng, kể từ tháng 9/2017 đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Phương thức cấp dưỡng là hàng tháng.

3- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000đ án phí dân sự về việc cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/ 0002641, ngày 31/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Chị Nguyễn Thị T còn phải nộp 300.000đ (Ba Trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao Bản án hoặc ngày bản án niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện C;
- Các đương sự;
- UBND T;
- Chi cục THADS Huyện C;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Vũ Văn Thắng